

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày 08-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Bé

Ông Phạm Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2017/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2017/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1953; ĐKKHKT và nơi ở: Xóm 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá lớp: 5/10; Con ông: Nguyễn Văn G (đã chết); con bà: Mai Thị T (đã chết); gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Bùi Thị Q, sinh năm: 1960. Bị cáo có ba con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 24/4/2006, Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

- Ngày 04/3/2010 Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

- Ngày 19/9/2010 Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi chứa bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/10/2017 đến 15/11/2017 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

* Người làm chứng:

1. Anh Lâm Văn T, sinh năm 1964

Trú tại: Thôn N, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

2. Anh Phạm Đức Đ, sinh năm 1969

Trú tại: 190 đường Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định

3. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1971

Trú tại: Tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

4. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986

Trú tại: Xóm 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

5. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1992

Trú Tại: Xóm 9, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Anh T có mặt; các nhân chứng còn lại đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/7/2007 Công ty cổ phần xe khách T, địa chỉ: đường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình bán 01 chiếc xe ô tô chở khách nhãn hiệu Việt Trung, màu xanh trắng, biển kiểm soát (BKS) 17 K1 – 2241 cho ông Vũ Mạnh C, trú tại: Số 3, tổ 1 phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ngày 15/11/2016 ông C bán chiếc xe ô tô này cho Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ, địa chỉ: Xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Ngày 30/11/2016 anh Lâm Văn T, sinh năm 1964, trú tại: Thôn N, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng mua lại chiếc ô tô này với giá 10 triệu đồng. Khoảng giữa tháng 12/2016 anh T đem bán lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn ô tô Đ (Công ty Đ), địa chỉ: Cụm công nghiệp thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định do anh Phạm Đức Đ, sinh năm 1969, là Phó giám đốc Công ty đứng ra giao dịch với giá là 50 triệu đồng. Anh Đ thống nhất với anh T là anh Đ sẽ đi làm thủ tục sang tên cho Công ty Đ xong thì mới thanh toán tiền. Anh T giao cho anh Đ hồ sơ xe ô tô kèm theo 01 giấy khai sang tên, di chuyển và 01 phiếu sang tên, di chuyển xe với nội dung: “Tên chủ xe là Công ty cổ phần xe khách T, sang tên cho Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ” do Phòng cảnh sát giao thông đường bộ - Công an tỉnh Thái Bình cấp, để anh Đ đi làm thủ tục sang tên xe. Phòng cảnh sát giao thông đường bộ – Công an tỉnh Nam Định sau khi xem xét hồ sơ thấy thiếu hóa đơn mua bán xe của Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ nên trả lại hồ sơ, yêu cầu bổ sung. Sau khi đến Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ để xin hóa đơn mua bán xe nhưng không được; khoảng đầu tháng

11/2016, anh T đã đem toàn bộ hồ sơ đến gặp Nguyễn Văn T, sinh năm 1953, trú tại: Xóm 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (hai người quen nhau từ năm 2015), là người có quan hệ rộng để nhờ Nguyễn Văn T tìm cách xin lại giấy khai sang tên, di chuyển và phiếu sang tên, di chuyển xe với nội dung sang tên luôn cho Lâm Văn T mà không qua Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, như đã hẹn trước, tại nhà Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T đã đưa lại cho anh T toàn bộ hồ sơ kèm theo 01 giấy khai sang tên, di chuyển và 01 phiếu sang tên, di chuyển xe với nội dung: “Tên chủ xe là Công ty cổ phần xe khách T, địa chỉ: đường T, thành phố Thái Bình sang tên cho Lâm Văn T, địa chỉ: Xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng”. Sau đó anh T đã chuyển lại hồ sơ cho anh Đ để nộp về Phòng cảnh sát giao thông đường bộ – Công an tỉnh Nam Định. Ngày 15/12/2016 Phòng cảnh sát giao thông đường bộ – Công an tỉnh Nam Định thông báo lại cho anh Đ biết 02 loại giấy tờ nêu trên là giả.

Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đã trưng cầu giám định chữ ký, hình dấu trên hai loại giấy tờ nêu trên và trưng cầu giám định đối với chữ viết trên “giấy khai sang tên, di chuyển”. Kết luận giám định số 748/GĐKTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chữ ký, hình dấu trên 01 giấy khai sang tên, di chuyển và 01 phiếu sang tên, di chuyển xe với nội dung: “Tên chủ xe là Công ty cổ phần xe khách T, địa chỉ: đường T, thành phố T sang tên cho Lâm Văn T, địa chỉ: Xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng” là giả. Phương pháp làm giả là in phun màu.

Kết luận giám định số 602/GĐKTHS ngày 14/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: “Chữ viết trên giấy khai sang tên, di chuyển với nội dung Tên chủ xe là Công ty cổ phần xe khách T, địa chỉ: đường T, thành phố T sang tên cho Lâm Văn T, địa chỉ: Xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng” và chữ viết trên bản tường trình của Nguyễn Văn T là chữ do cùng một người viết ra.

Ngày 16/10/2017 Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Tại Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định, Nguyễn Văn T khai nhận: Sau khi xem toàn bộ hồ sơ xe ô tô BKS 17K1 – 2241, Nguyễn Văn T đi ra cửa hàng photocopy O – D ở tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình để làm giả 01 giấy khai sang tên, di chuyển và 01 phiếu sang tên, di chuyển xe với nội dung sang tên luôn cho Lâm Văn T mà không qua Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

Đối với phiếu sang tên, di chuyển xe: Theo sự hướng dẫn của Nguyễn Văn T, người phụ nữ ở cửa hàng photocopy O – Dững đã đưa phiếu sang tên, di

chuyển xe thật vào máy scan để đọc nội dung trên máy vi tính. Sau đó người phụ nữ sử dụng máy vi tính để sửa từ: “Nay sang tên cho: TTĐT và SHLX cơ giới đường bộ, địa chỉ: H, A, Hải Phòng” thành “Nay sang tên cho: Lâm Văn T, địa chỉ: Xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng”. Các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó dùng máy in màu in văn bản chứa nội dung mới ra.

Đối với giấy khai sang tên, di chuyển; đưa giấy thật vào máy scan để đọc nội dung trên máy vi tính, rồi xóa hết phần chữ viết. Phần nội dung khác, chữ ký và con dấu được giữ nguyên. Sau đó dùng máy in màu in văn bản mới ra. Nguyễn Văn T dùng bút viết vào phần văn bản vừa xóa đi ở phần nay sang tên cho chủ xe mới: Lâm Văn T, địa chỉ: Xã V, huyện Nguyễn Văn T, thành phố Hải Phòng. Còn các nội dung khác thì Nguyễn Văn T chép giống như nội dung trong giấy thật.

Sau đó anh Nguyễn Văn T đã thanh toán tiền công cho người phụ nữ và cầm hồ sơ cùng 02 giấy trên ra về đưa cho anh T. Anh T hứa sau khi sang tên được xe ô tô thì sẽ trả tiền công cho Nguyễn Văn T sau.

Đối với anh Lâm Văn T: Anh T khai nhận nội dung, diễn biến vụ án như nêu ở trên. Anh T không biết “phiếu sang tên, di chuyển xe và giấy khai sang tên, di chuyển” Nguyễn Văn T đưa là giấy giả nên đã đưa lại cho anh Đ nộp vào Phòng cảnh sát giao thông đường bộ – Công an tỉnh Nam Định để làm thủ tục sang tên. Vì vậy chưa đủ căn cứ, tài liệu chứng minh anh T đồng phạm với Nguyễn Văn T, nên Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định không xử lý đối với anh T.

Đối với chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1971, là chủ Cửa hàng photocopy O – D; chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986 và chị Bùi Thị N, sinh năm 1992, đều trú tại: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, là nhân viên của cửa hàng khai nhận không quen biết ai tên là Nguyễn Văn T; cửa hàng không làm và chỉnh sửa các tài liệu có dấu tròn của cơ quan nhà nước. Vì vậy chưa đủ căn cứ, tài liệu chứng minh chị O, chị D, chị N đồng phạm với Nguyễn Văn T, nên Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định không xử lý đối với chị O, chị D, chị N.

Việc chứng minh ai là người trực tiếp chỉnh sửa, in 02 loại giấy tờ trên, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định tách ra để điều tra, xử lý khi có căn cứ.

Về vật chứng của vụ án

Anh Lâm Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 30/11/2016 giữa Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Hải Phòng với anh Lâm Văn T; 01 giấy bán xe ngày 15/11/2016 giữa anh Vũ Mạnh C và Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Hải Phòng; 01 giấy khai sang tên, di chuyển ngày 15/11/2016 và 01 phiếu sang tên, di chuyển xe ngày 18/11/2016 giữa Công ty cổ

phần xe khách Thái Bình và Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Hải Phòng. Số giấy tờ, tài liệu này Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đã trả lại cho anh Lâm Văn T.

Tại Cáo trạng số 107/QĐ-KSĐT ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 267 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa đã luận tội đối với bị cáo sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 267, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/QH13, khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Hình phạt bổ xung miễn phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai, lời đề nghị của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng quá trình điều tra, truy tố điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Khoảng tháng 11/2016 Nguyễn Văn T có hành vi làm giả 01 phiếu sang tên, di chuyển xe và 01 giấy khai sang tên, di chuyển của Phòng cảnh sát giao thông đường bộ - Công an tỉnh Thái Bình đối với xe ô tô BKS 17 K1 - 2241. Sau đó đưa lại cho anh Lâm Văn T để đưa vào hồ sơ, làm thủ tục đề nghị Phòng cảnh sát giao thông đường bộ - Công an tỉnh Nam Định sang tên cho xe ô tô BKS 17 K1 – 2241 thì bị phát hiện.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính thuộc lĩnh vực quản lý và sử dụng con dấu, giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự và nhận thức rõ về những điều cấm của pháp luật, đối với hành vi nêu trên nhưng vì tư lợi và vì cả nể nên bị cáo đã làm giả tài liệu.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46; Bị cáo Nguyễn Văn T có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, là nạn nhân CĐDC/DIOXIN. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Về biện pháp chấp hành hình phạt thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Nguyễn Văn T ra khỏi xã hội mà nên cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật được cải tạo tại địa phương dưới sự quản lý, giám sát cải tạo giáo dục của chính quyền sở tại. Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố xét xử theo Bộ luật hình sự năm 1999. Theo quy định khoản 1 Điều 267 Bộ luật này về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” có mức hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 về “Tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan” có mức hình phạt từ 06 tháng đến 02 năm. Vì vậy cần áp dụng Nghị quyết 41/QH13, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 để quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 267; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/QH13; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (Bị cáo đã bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2017 đến ngày 15/11/2017). Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình nơi cư trú của bị cáo quản lý, giám sát giáo dục.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Đ, huyện Đ
tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Tiến Dũng